

PHÁP LUẬT QUỐC TỊCH CỦA TRẺ EM

TS. NGUYỄN THỊ THUẬN *

1. Quốc tịch của trẻ em trong pháp luật một số nước

Trong pháp luật quốc tế, quyền có quốc tịch nói chung và quyền có quốc tịch của trẻ em nói riêng là một trong những quyền dân sự-chính trị cơ bản. Điều này đã được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế và các văn kiện quốc tế quan trọng có liên quan như: Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột luật quốc tịch (các điều 12, 13, 14, 15, 16, 17); Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948 (Điều 15); Công ước về địa vị của người không quốc tịch năm 1954; Công ước về hạn chế tình trạng người không quốc tịch năm 1961 (các điều 1, 4, 5); Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (Điều 24); Công ước về quyền trẻ em năm 1989 (Điều 7)... Mặc dù mục đích và phạm vi điều chỉnh của những văn bản pháp lý quốc tế nêu trên không giống nhau nhưng điểm chung của các quy định liên quan đến quốc tịch của trẻ em trong những văn kiện này đều khẳng định vấn đề mang tính nguyên tắc: Đảm bảo cho mọi trẻ em khi sinh ra đều có quyền có quốc tịch.

Để thực hiện nguyên tắc này, trên cơ sở chủ quyền quốc gia, trong các văn bản pháp luật về quốc tịch của quốc gia đều có những điều khoản cụ thể quy định về quốc tịch của trẻ em. Tham khảo pháp luật quốc tịch một

số nước có thể thấy quy định về quốc tịch của trẻ em tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, quốc tịch của trẻ em khi được sinh ra.

- Trẻ em khi sinh ra có quốc tịch của cha mẹ bất kể được sinh ra ở đâu. *Ví dụ:* Theo Điều 16 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, Điều 15 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008, trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam; Điều 9 Luật quốc tịch nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, trẻ em có cha mẹ là công dân Lào không phụ thuộc vào việc trẻ em được sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ của Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào thì có quốc tịch Lào...

Đây là cách thức xác định quốc tịch truyền thống và phổ biến nhất mà luật pháp của các nước sử dụng để xác định quốc tịch của trẻ em khi sinh ra.

- Trẻ em có quốc tịch của nước nơi chúng được sinh ra. *Ví dụ:* Theo điểm a Điều 29 Hiến pháp của Cộng hoà Cu Ba, những người sinh ra trên lãnh thổ của Cu Ba (trừ con của những người nước ngoài đang làm việc tại Cu Ba cho chính phủ của họ hoặc cho các tổ chức quốc tế) có quốc tịch Cu Ba; Theo Điều 6 Luật quốc tịch của nước

* Trường Đại học Luật Hà Nội

Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, trẻ em sinh ra tại nước này có cha mẹ là người không quốc tịch hoặc quốc tịch không rõ ràng và định cư ở Trung Quốc thì có quốc tịch Trung Quốc... Cách thức xác định quốc tịch theo nơi sinh thường được sử dụng trong trường hợp cha mẹ trẻ em không có quốc tịch, không xác định được quốc tịch hoặc không rõ là ai.

- Trẻ em có quốc tịch của nước nơi mà cha hoặc mẹ chúng là công dân. *Ví dụ:* Theo Điều 17 Bộ luật quốc tịch nước Cộng hoà Pháp, trẻ em sinh ra hợp pháp hoặc ngoài giá thú có quốc tịch Pháp nếu có cha hoặc mẹ là công dân Pháp; Điều 4 khoản 1 Luật quốc tịch Vương quốc Thái Lan (số 2): Một người sinh ra có cha hoặc mẹ có quốc tịch Thái Lan không phân biệt sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Thái Lan có quốc tịch Thái Lan; Điều 2 Luật quốc tịch Nhật Bản, trẻ em sẽ có quốc tịch Nhật Bản nếu cha hoặc mẹ có quốc tịch Nhật Bản vào thời điểm sinh ra đứa trẻ... Cơ sở để xác định quốc tịch của trẻ em khi sinh ra theo cách thức này mặc dù cũng là nguyên tắc huyết thống (cha hoặc mẹ) nhưng sự khác nhau trong luật pháp của các nước là ở chỗ: Có nước mặc nhiên công nhận trẻ em đó là công dân nước mình nếu cha hoặc mẹ trẻ em là công dân của nước đó (Pháp, Thái Lan); có nước chỉ coi trẻ em là công dân nước mình với điều kiện cha hoặc mẹ trẻ em là công dân nước đó và nó cũng được sinh ra tại quốc gia này hoặc trẻ em sinh ra ở nước ngoài nhưng tại thời điểm đó cha mẹ (hoặc một trong hai người) thường trú tại quốc gia đó (Lào); có nước quy định

trẻ em có quốc tịch của nước mình nếu cha mẹ chúng thoả thuận chọn vào thời điểm đăng kí khai sinh (Việt Nam)...

Thứ hai, quốc tịch của trẻ em trong trường hợp cha mẹ thay đổi quốc tịch.

Quốc tịch của cha mẹ có thể thay đổi trên cơ sở của việc được thôi quốc tịch, được nhập quốc tịch nước khác, được trở lại quốc tịch, bị tước quốc tịch... Nhìn chung, pháp luật quốc tịch của các nước đều quy định trường hợp cha mẹ được nhập quốc tịch nước khác hoặc được thôi quốc tịch của một nước nhất định thường dẫn đến việc con cái sẽ có hoặc mất quốc tịch theo sự thay đổi quốc tịch của cha mẹ chúng. Điều kiện kèm theo được quy định trong luật thường là độ tuổi. Ví dụ: Quốc tịch của trẻ em dưới 14 tuổi được xác định theo quốc tịch của cha mẹ, từ 14 đến 18 tuổi phải có sự đồng ý của trẻ em đó (Luật quốc tịch của Nga, Lào), trẻ em đó dưới 18 tuổi vào thời điểm nhập quốc tịch của cha mẹ chúng (Luật quốc tịch của Hoa Kỳ, Rumani); điều kiện về cư trú cùng cha mẹ ở nước ngoài hoặc rời bỏ quốc gia là công dân để cư trú ở nước ngoài (Luật quốc tịch của Rumani)... Riêng trường hợp cha mẹ bị tước quốc tịch thì quốc tịch của con cái họ được quy định rất khác nhau như: Việc mất quốc tịch của cha mẹ do bị tước quốc tịch không mặc nhiên dẫn đến việc mất quốc tịch của con cái họ (Luật quốc tịch của Lào, Rumani); hoặc tước quốc tịch của cha mẹ có thể dẫn đến việc mất quốc tịch của con chưa thành niên (Luật quốc tịch của Vương quốc Thái Lan)...

Thứ ba, quốc tịch của trẻ em được nhận

làm con nuôi.

Đối với trẻ em là con nuôi, quốc tịch của trẻ em được pháp luật của các nước quy định như sau:

- Trẻ em vẫn giữ quốc tịch gốc: Quy định này thường áp dụng đối với trường hợp trẻ em của nước đó được người nước ngoài nhận làm con nuôi (Luật quốc tịch của Nga, Việt Nam).

- Trẻ em được 'thời quốc tịch gốc theo đơn yêu cầu của cha mẹ nuôi là người nước ngoài với điều kiện trẻ em sẽ được vào quốc tịch của cha mẹ nuôi (Luật quốc tịch của Ucraina).

- Trẻ em có quốc tịch của cha mẹ nuôi: Quy định này được áp dụng đối với trường hợp trẻ em là người nước ngoài được công dân nước đó nhận làm con nuôi (Luật quốc tịch của Nga, Rumani, Australia...).

- Trẻ em có quốc tịch theo sự thoả thuận của cha mẹ nuôi. Quy định này được áp dụng trong trường hợp cha mẹ nuôi không cùng quốc tịch (Luật quốc tịch của Nga).

Có thể thấy ở các mức độ khác nhau, pháp luật về quốc tịch của các nước đều có các quy định về quốc tịch của trẻ em. Các cách thức xác định quốc tịch cho trẻ em, hệ quả của sự thay đổi quốc tịch của cha mẹ đối với quốc tịch của con cái... hầu như đều hướng tới mục đích đảm bảo cho bất kì trẻ em nào khi sinh ra đều thuộc về quốc gia nhất định.⁽¹⁾

2. Quốc tịch của trẻ em trong pháp luật Việt Nam

Sau quá trình gần 10 năm áp dụng Luật quốc tịch năm 1998 cũng như từ đòi hỏi của

thực tiễn, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã được thông qua và thay thế cho Luật năm 1998 để điều chỉnh pháp lí các vấn đề về quốc tịch. So với Luật năm 1998, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 có nhiều điểm mới như: Quy định về đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (khoản 2 Điều 13); quy định mở rộng các trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam (điểm d, e Điều 23); mất quốc tịch Việt Nam nếu không đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam (khoản 3 Điều 26)... Tuy nhiên, các quy định về quốc tịch của trẻ em hầu như rất ít thay đổi.

Có thể khẳng định về cơ bản các quy định trong cả Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 và năm 2008 về quốc tịch của trẻ em đều phù hợp với các quy định trong những điều ước quốc tế có liên quan mặc dù hiện nay, Việt Nam vẫn chưa phải là thành viên của một số điều ước quốc tế đa phương về quốc tịch như: Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột luật quốc tịch, Công ước về địa vị của người không quốc tịch năm 1954, Công ước về hạn chế tình trạng người không quốc tịch năm 1961... Nếu đối chiếu với quy định về quốc tịch của trẻ em trong pháp luật các nước, quy định tương ứng của Việt Nam cũng không có sự khác biệt lớn. Cụ thể: Quốc tịch của trẻ em được xác định trên cơ sở có sự kết hợp giữa nguyên tắc huyết thống và nguyên tắc nơi sinh. Khẳng định này được thể hiện ở nội dung của nhiều điều khoản trong cả Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 và Luật năm 2008.⁽²⁾

Theo nguyên tắc huyết thống, trẻ em khi sinh ra (không phụ thuộc vào nơi sinh) sẽ có quốc tịch Việt Nam nếu:

- Cha mẹ đều là công dân Việt Nam;
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia không có quốc tịch;
- Mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai;
- Cha mẹ thoả thuận bằng văn bản vào thời điểm khai sinh cho trẻ em khi cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài. Nếu trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thoả thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam. Quy định về trường hợp “không thoả thuận chọn” nói trên mới được bổ sung trong Luật quốc tịch năm 2008 và cũng nhằm mục đích đảm bảo cho trẻ em không bị rơi vào tình trạng không quốc tịch.⁽³⁾

Theo nguyên tắc nơi sinh, trẻ em có quốc tịch Việt Nam trong những trường hợp:

- Cha mẹ đều không có quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam;
- Mẹ không có quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam còn cha không rõ là ai;
- Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không rõ là ai.

Đối với quốc tịch của con cái khi cha mẹ thay đổi quốc tịch do được nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam, Luật quốc tịch Việt Nam quy định:

- Quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng cha mẹ cũng thay đổi theo quốc

tịch của cha mẹ;

- Quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng cha hoặc mẹ cũng thay đổi theo sự thay đổi quốc tịch của cha hoặc mẹ nếu có sự thoả thuận bằng văn bản của cha mẹ.

Trường hợp cha hoặc mẹ được nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên cùng sinh sống với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ không thoả thuận bằng văn bản về việc giữ quốc tịch nước ngoài cho con. Điều kiện “cùng sinh sống” là một trong những điểm mới của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.⁽⁴⁾

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 35 Luật quốc tịch năm 2008 lại không đề cập trường hợp nếu chỉ cha hoặc mẹ thôi quốc tịch Việt Nam thì quốc tịch của con chưa thành niên cùng sống với người đó sẽ ra sao nếu họ không thoả thuận bằng văn bản về việc giữ quốc tịch Việt Nam cho đứa con.⁽⁵⁾ Việc “để ngỏ” như vậy sẽ dẫn đến hai cách hiểu khác nhau: Con chưa thành niên sống cùng cha hoặc mẹ - người được thôi quốc tịch Việt Nam không bị mất quốc tịch Việt Nam hoặc con chưa thành niên sống cùng cha hoặc mẹ được thôi quốc tịch Việt Nam đương nhiên mất quốc tịch Việt Nam. Theo quan điểm của tác giả bài viết, cần quy định cụ thể đối với trường hợp này theo hướng nếu cha mẹ không thoả thuận về việc giữ quốc tịch Việt Nam cho con thì quốc tịch của con cũng sẽ thay đổi theo quốc tịch của cha hoặc mẹ, nghĩa là trẻ em cũng mất quốc tịch Việt Nam.

Đối với quốc tịch của con nuôi, Luật quốc tịch năm 2008 (Điều 37) tiếp thu toàn bộ nội dung của Luật quốc tịch năm 1998

(Điều 30) mà không có bất cứ sự điều chỉnh nào. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, khi Việt Nam là một trong những nước có số lượng lớn trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì các quy định về quốc tịch của con nuôi không chỉ đảm bảo được ở mức tối đa quyền có quốc tịch của trẻ em mà còn nên cân nhắc đến một số yếu tố khác. Tuy nhiên, trên cơ sở tham khảo pháp luật của một số quốc gia về vấn đề này cũng như phân tích quy định tương ứng của Luật quốc tịch Việt Nam, đối chiếu với quy định trong pháp luật của một số quốc gia, tác giả bài viết cho rằng nên xem xét thêm những vấn đề sau đây:

- Quy định tại khoản 1 Điều 37 có thể bổ sung thêm trường hợp trẻ em có thể được thôi quốc tịch Việt Nam trên cơ sở đơn xin của cha mẹ nuôi và với điều kiện sẽ được vào quốc tịch nước khác. Như vậy, khi được người nước ngoài nhận làm con nuôi, trẻ em có thể: vẫn có quốc tịch Việt Nam (nếu cha mẹ nuôi không xin thôi quốc tịch Việt Nam); có quốc tịch của nước mà cha mẹ nuôi là công dân (nếu luật của nước mà cha mẹ nuôi của trẻ em là công dân cho phép); có quốc tịch của Việt Nam và có cả quốc tịch của nước mà cha mẹ nuôi là công dân.⁽⁶⁾ Rõ ràng dù luật mỗi nước có quy định như thế nào thì trẻ em khi được nhận làm con nuôi cũng không thể bị rơi vào tình trạng không quốc tịch.

- Trường hợp vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài đã và sẽ tiếp tục xuất hiện. Luật quốc tịch Việt Nam hiện hành mới chỉ “dự liệu”

tình huống trẻ em là người nước ngoài được cha mẹ mà một người là công dân Việt Nam, còn người kia là người nước ngoài nhận làm con nuôi thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo đơn xin của cha mẹ nuôi. Vì vậy, tác giả bài viết cho rằng cần thiết phải tính đến cả thực tế, nếu trẻ em là công dân Việt Nam mà được vợ chồng, trong đó một người là công dân Việt Nam người kia là người nước ngoài nhận làm con nuôi thì quốc tịch của trẻ em đó sẽ ra sao? Luật quốc tịch của Liên bang Nga đưa ra cách giải quyết: Quốc tịch của trẻ em sẽ do cha mẹ nuôi thoả thuận chọn, nếu không thoả thuận, trẻ em sẽ có quốc tịch Nga nếu trẻ em thường trú trên lãnh thổ Nga hoặc sẽ trở thành người không quốc tịch. Nên tham khảo quy định như trên của pháp luật Liên bang Nga vì giải quyết theo cách của Liên bang Nga vẫn đảm bảo quyền có quốc tịch của đứa trẻ. Luật quốc tịch Australia cũng quy định: Trẻ em là người nước ngoài được công dân Australia (cả 2 hoặc một trong 2) nhận làm con nuôi và vào thời điểm được nhận làm con nuôi, đang thường trú tại Australia thì có quốc tịch Australia.

Tóm lại, nếu so với Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, về mặt tổng thể, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã có một số điều chỉnh, bổ sung hợp lý. Đối với các quy định về quốc tịch của trẻ em, có thể khẳng định: *Thứ nhất*, quyền có quốc tịch của trẻ em ở Việt Nam hoàn toàn được đảm bảo; *thứ hai*, nguyên tắc huyết thống luôn được ưu tiên áp dụng trong việc xác định quốc tịch cho trẻ em. Tuy nhiên, từ những phân tích trên đây, theo tác giả bài viết, trong tương lai vẫn nên

cần nhắc để tiếp tục hoàn thiện một số quy định liên quan đến quốc tịch của trẻ em để Luật quốc tịch năm 2008 có thể đáp ứng tối đa đòi hỏi của thực tiễn./.

(1). Do xung đột pháp luật về quốc tịch mà hiện nay vẫn có những đứa trẻ khi sinh ra có thể có nhiều quốc tịch nhưng với các quy định trong pháp luật quốc tịch hiện hành (kết hợp cả nguyên tắc xác định quốc tịch theo huyết thống và theo nơi sinh), trường hợp đứa trẻ sinh ra bị rơi vào tình trạng không quốc tịch sẽ rất ít khi xảy ra.

(2). Xem: Các điều 15, 16, 17, 18 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

(3). Đứa trẻ trong tình huống này cũng sẽ có thể có hai quốc tịch vì pháp luật của một số nước (Bộ luật quốc tịch Cộng hòa Pháp, Luật quốc tịch Vương quốc Thái Lan) quy định chỉ cần cha hoặc mẹ có quốc tịch nước đó thì con sinh ra cũng có quốc tịch nước này không phụ thuộc vào nơi sinh.

(4). Tại khoản 2 Điều 28 Luật quốc tịch năm 1998 chỉ đề cập trường hợp nếu chỉ có cha hoặc mẹ thay đổi quốc tịch do nhập, thôi hoặc trở lại quốc tịch Việt Nam thì quốc tịch của con chưa thành niên được xác định theo sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ.

(5). Xem: Khoản 2 Điều 35 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: *"Khi chỉ cha hoặc mẹ được nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam hoặc mất quốc tịch Việt Nam nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ."*

Trường hợp cha hoặc mẹ được nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ không thỏa thuận bằng văn bản về việc giữ quốc tịch nước ngoài của người con".

(6). Điều này hoàn toàn có thể xảy ra vì Luật quốc tịch hiện hành của Việt Nam quy định trẻ em vẫn có quốc tịch Việt Nam khi được người nước ngoài nhận làm con nuôi, luật pháp của nhiều nước lại quy định trẻ em nước ngoài được công dân nước họ nhận làm con nuôi thì có quốc tịch của nước đó.

CÁC CĂN CỨ XÁC ĐỊNH... (tiếp theo trang 59)

3. Tước quốc tịch Việt Nam

Tước quốc tịch là biện pháp mang tính chế tài do Nhà nước áp dụng đối với công dân trong một số trường hợp đặc biệt. Luật quốc tịch năm 2008 quy định hai trường hợp áp dụng chế tài tước quốc tịch Việt Nam⁽²¹⁾:

- Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thể bị tước quốc tịch Việt Nam nếu có hành vi gây phương hại nghiêm trọng đến nền độc lập dân tộc, đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hoặc đến uy tín của Việt Nam.

- Người đã nhập quốc tịch Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật dù cư trú ở trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng có thể bị tước quốc tịch Việt Nam khi thực hiện hành vi nêu trên.

Với tính chất là biện pháp chế tài tước quốc tịch được áp dụng hạn chế và phải do Chủ tịch nước quyết định. Thống kê của Bộ tư pháp về thực hiện Luật quốc tịch Việt Nam cho thấy biện pháp này chưa từng được áp dụng trong thực tế.⁽²²⁾

Về tổng thể, Luật quốc tịch năm 2008 đã kế thừa các quy định của Luật quốc tịch năm 1998 đồng thời có sự điều chỉnh tương đối hợp lý về các căn cứ xác định mất quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, một số quy định về mất quốc tịch Việt Nam vẫn cần được hoàn thiện để có thể đáp ứng tối đa yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt là các quy định về đăng ký giữ quốc tịch và thay đổi quốc tịch của trẻ chưa thành niên./.

(21). Xem: Điều 31 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

(22). Xem: Báo cáo của Bộ tư pháp tổng kết 9 năm thực hiện Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, tr. 2.